

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 26/2020/DS-GĐT

Ngày 09/6/2020

Về “*Yêu cầu xác định phần quyền sở hữu tài sản và phần quyền sử dụng đất trong tài sản chung vợ chồng để thi hành án*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên họp gồm:

Chủ tọa phiên họp: Ông Đặng Kim Nhân - Thẩm phán.

Các Thẩm phán: Ông Lê Tự và ông Trương Minh Tuấn.

- Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên họp: Ông Đoàn Minh Lộc - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 09 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên họp giám đốc thẩm xét xử Quyết định đình chỉ giải quyết và trả lại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự “*Yêu cầu xác định phần quyền sở hữu tài sản và phần quyền sử dụng đất trong khối tài sản chung của vợ chồng để thi hành án*” số 27/2017/QĐST-VDS ngày 03/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk giữa:

1. Người yêu cầu: Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk - Ông Nguyễn Văn T; địa chỉ: H, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

2. Người có liên quan đến việc giải quyết việc dân sự: Vợ chồng bà Phạm Thị T và ông Vũ Văn B; cùng địa chỉ: Thôn X, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

- Bà Phạm Thị T (vợ ông Vũ Văn B) có nghĩa vụ thi hành án theo nội dung Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 05/2016/QĐST-DS ngày 22/01/2016 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk nên Chi cục Thi hành án dân sự huyện C đã ban hành Quyết định thi hành án số 461/QĐ-CCTHADS ngày 23/02/2016.

- Sau khi xác minh điều kiện thi hành án của bà Phạm Thị T thì Chấp hành viên Chi cục Thi hành án huyện C (ông Nguyễn Văn T) thấy quyền sử dụng thừa

đất số 163, tờ bản đồ số 9a, diện tích 40m², địa chỉ Thôn X, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk là tài sản chung của vợ chồng bà T ông B theo nội dung *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số BR647481 ngày 12/8/2014 của UBND huyện C. Ngày 06/9/2016 Chấp hành viên Chi cục Thi hành án huyện C (ông Nguyễn Văn T) gửi Đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C thụ lý, giải quyết việc dân sự “*Yêu cầu xác định phần quyền sở hữu tài sản và phần quyền sử dụng đất trong khối tài sản chung của vợ chồng để thi hành án*” để xác định phần quyền tài sản của bà Phạm Thị T (địa chỉ: Thôn X, xã E, huyện C) trong khối tài sản chung vợ chồng đối với thửa đất số 163, tờ bản đồ số 9a, diện tích 40m², địa chỉ Thôn X, xã E, huyện C nêu trên.

- Ngày 01/12/2016, Tòa án nhân dân huyện C tiến hành xác minh địa chỉ của bà T ghi tại Đơn yêu cầu của *Người yêu cầu* là Thôn X, xã E, huyện C thì chính quyền địa phương cung cấp: “*Do làm ăn thua lỗ, nợ nần nhiều nên bà Phạm Thị T đã đi khỏi địa phương từ tháng 02/2016, được biết bà T chuyển đến thôn 5, xã H, huyện H. Ông Vũ Văn B cũng đi khỏi địa phương từ tháng 4/2016, hiện tại ông B đang làm rẫy tại xã H, huyện H, tỉnh Đắk Lắk*” (bút lục 14). Tòa án nhân dân huyện C đã ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện H xác minh bà T có cư trú tại địa chỉ thôn 5, xã H, huyện H hay không? thì tại Biên bản xác minh do Tòa án nhân dân huyện H lập ngày 30/4/2017 cho thấy “*Tại thôn 5, xã H, huyện H, tỉnh Đắk Lắk không có ai là Phạm Thị T*” (bút lục 31).

- Ngày 10/4/2017, Tòa án nhân dân huyện C lập Biên bản làm việc yêu cầu Chấp hành viên cung cấp rõ địa chỉ nơi cư trú mới của bà T trong thời hạn 10 ngày. Hết thời hạn 10 ngày, Tòa án nhân dân huyện C nhận định *Người yêu cầu* không cung cấp được địa chỉ của *Người có liên quan đến việc giải quyết việc dân sự* nên thuộc trường hợp chưa đủ điều kiện yêu cầu như quy định tại điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, từ đó ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết việc dân sự và trả lại đơn yêu cầu số 27/2017/QĐST-VDS ngày 03/5/2017.

- Ngày 26/5/2017, Chi cục Thi hành án dân sự huyện C có đơn đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Quyết định đình chỉ giải quyết việc dân sự và trả lại đơn yêu cầu số 27/2017/QĐST-VDS ngày 03/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

- Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 06/2020/KN-DS ngày 16/3/2020, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm, hủy Quyết định đình chỉ giải quyết việc dân sự và trả lại đơn yêu cầu số 27/2017/QĐST-VDS ngày 03/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk; giao hồ sơ việc dân sự cho Tòa án nhân dân huyện C nhận lại Đơn yêu cầu và thụ lý, giải quyết sơ thẩm theo thủ tục chung.

- Tại phiên họp giám đốc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận Quyết định kháng nghị số 06/2020/KN-DS ngày 16/3/2020 của Chánh án tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đối với Quyết định đình chỉ giải quyết việc dân sự và trả lại đơn yêu cầu số 27/2017/QĐST-VDS ngày 03/5/2017 được ban hành sau khi Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành nên khi ban hành quyết định phải căn cứ các quy định mới về trả lại đơn khởi kiện quy định tại Điều 192, phạm vi áp dụng việc dân sự quy định tại Điều 361...của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xem xét.

[2] *Người yêu cầu* đã căn cứ vào địa chỉ của bà Phạm Thị T và ông Vũ Văn B thể hiện trong Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 05/2016/QĐST-DS ngày 22/01/2016 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk và Quyết định thi hành án số 461/QĐ-CCTHDS ngày 23/02/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk để ghi trong Đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự là theo đúng địa chỉ của *Người có liên quan đến việc giải quyết việc dân sự*.

[3] Căn cứ vào nội dung Biên bản xác minh ngày 01/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện C, đối chiếu quy định tại đoạn 2 điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: *“Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng họ không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú, trụ sở mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì Thẩm phán không trả lại đơn khởi kiện mà xác định người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cố tình giấu địa chỉ và tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung”* thì trường hợp trên phải áp dụng điểm e khoản 1 Điều 192 và Điều 361 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không trả lại Đơn yêu cầu mà xác định đây là trường hợp *Người có liên quan đến việc giải quyết việc dân sự* cố tình giấu địa chỉ để tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung, việc này cũng hoàn toàn phù hợp với hướng dẫn tại Điều 5 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân huyện C lại áp dụng điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xác định thuộc trường hợp *“chưa đủ điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật”* để đình chỉ giải quyết việc dân sự và trả lại Đơn yêu cầu cho *Người yêu cầu* là không đúng vì điểm b khoản 1 Điều 192 quy định: *“Chưa đủ điều kiện khởi kiện là*

trường hợp pháp luật có quy định về các điều kiện khởi kiện nhưng người khởi kiện đã khởi kiện đến Tòa án khi còn thiếu một trong các điều kiện đó”.

[4] Từ những chứng cứ đã được phân tích trên, Hội đồng xét xử giám đốc thẩm xét Quyết định kháng nghị số 06/2020/KN-DS ngày 16/3/2020 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là có cơ sở, đúng pháp luật nên cần chấp nhận, vì vậy;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 337, khoản 3 Điều 343, Điều 345 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

1. Hủy toàn bộ Quyết định đình chỉ giải quyết việc dân sự và trả lại đơn yêu cầu số 27/2017/QĐST-VDS ngày 03/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

2. Giao hồ sơ việc dân sự cho Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk, nhận lại đơn yêu cầu và thụ lý, giải quyết lại sơ thẩm theo đúng quy định của pháp luật.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:

- Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học-TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk (để biết);
- Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk (gửi kèm hồ sơ vụ án);
- Chi cục THADS huyện C, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng lưu trữ (VP); Phòng Giám đốc kiểm tra về DS-LĐ-KDTM.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Đặng Kim Nhân